

Số: 107/2023/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 22 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 157/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ L, sinh năm 1962; địa chỉ: 25 đường A, phường T thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ L: Luật sư Nguyễn Hoài N, Luật sư thuộc Công ty Luật T.

Bị đơn: Ông Hồ Xuân T, sinh năm 1950; địa chỉ: Căn hộ số B.11.09, chung cư R, số 58/4 đường L, phường T1, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Hồ Xuân D, sinh năm 1953; địa chỉ: 43 đường C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Xuân D, sinh năm 1953; địa chỉ: 43 đường C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: 51 (nay là 558) đường B, phường T2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc của ông Hồ V và bà Nguyễn Thị T đã để lại di chúc cho ông Hồ Xuân T và ông Hồ L. Đến ngày 29/11/2003, Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W496420 vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00048 QSDĐ/5130-2003 ngày 29/11/2003, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 10, diện tích 2105 m² đứng tên chung Hồ Xuân T và Hồ L.

2.2. Về xác định quyền sử dụng đất của ông Hồ L trong khối tài sản chung với ông Hồ Xuân T, các bên đương sự thỏa thuận như sau:

Quyền sử dụng đất của ông Hồ L trong thửa đất số 71, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: 51 (nay là 558) đường B, phường T2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích là 539,7m² (có 275.9m² thuộc hành lang bảo vệ mương nước) vị trí phía bên trái của thửa đất, chiều ngang tính tại vị trí giáp mương nước kéo dài 10m từ trái sang phải của thửa đất; chiều dài kéo từ mép đường B kéo dài cho hết đất đến hàng tre giáp đất làng, chiều dài phía sau cũng rộng 10m.

Số diện tích đất còn lại là 1.542m² (có 23.9m² thuộc hành lang bảo vệ mương nước) là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hồ Xuân T.

(Có Sơ đồ phân chia kèm theo; Phần 01 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hồ L; Phần 02 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hồ Xuân T).

Ông Hồ Xuân D - hiện đang quản lý ngôi nhà kho số 01 (như trong bản vẽ của chi nhánh Văn phòng chi nhánh đất đai mô tả) tự nguyện tháo dỡ một phần của nhà kho (nhà số 01) có diện tích 24,8m² để trả lại mặt bằng cho ông Hồ L.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn ông Hồ L tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

2.4. Về án phí tranh chấp dân sự:

Các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên số tiền án phí dân sự là:

- Án phí ông Hồ L phải chịu trên giá trị phần đất được hưởng 6.476.000.000 đồng là: $50\% \times [112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 2.476.000.000 \text{ đồng})] = 57.238.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Án phí ông Hồ Xuân T phải chịu trên giá trị phần đất được hưởng là 18.504.000.000 đồng là: $50\% \times [112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 14.504.000.000 \text{ đồng})] = 63.252.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi ba triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Do ông Hồ L và ông Hồ Xuân T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông L và ông T được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp theo quy định của pháp luật.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 15.200.000 đồng mà ông Hồ L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002592 ngày 10/6/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP H;
- THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng